TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG Bản án số: 70/2018/HNGĐ-ST Ngày: 15-6-2018 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Phú Tâm;

Ông Nguyễn Văn Hoàn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2018/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị T , sinh năm 1983; thường trú : Xã L , huyện B, tỉnh Q. Tạm trú: Số 4A/26, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn A, sinh năm 1983; thường trú: Xã L, huyện B, tỉnh Q. Tạm trú: Số 4A/26, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn A tự nguyện chung sống, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 29 quyển số 01 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Q vào ngày 03 tháng 11 năm 2004.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ xã L , huyện B, tỉnh Q đến năm 2009 vợ chồng chuyển về sinh sống tại khu phố B, phường A, thị xã D,

tỉnh B. Vợ chồng chung sống với nhau nhưng luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Hoàng Văn A thường xuyên uống rượu bia, không biết quan tâm chăm sóc vợ, những lúc cải nhau anh A còn đánh vợ từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn . Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng với anh A không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh A.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/02/2018 bị đơn anh Hoàn g Văn A trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị T về quan hệ hôn nhân , vợ chồng không hợp nhau do chị T cho rằng anh thường xuyên uống rượu bia . Kể từ thời điểm chị T nộp đơn yêu cầu ly hôn , anh A và chị cải nhau nên anh đuổi chị ra khỏi nhà và vợ chồng anh chị sống ly thân cho đến nay. Tuy nhiên, do tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh A không đồng ý ly hôn.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Hoàng Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 22/3/2018; tham gia phiên tòa vào các ngày 30/5/2018 và 15/6/2018 nhưng anh Hoàng Văn A vắng mặt không có lý do.

Ngày 20/3/2018, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn A tại địa phương và được cung cấp: Chị T và anh A là vợ chồng, có đăng ký tạm trú t ại số 4A/26, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Từ lúc sống chung chính quyền địa phương không nhận được tin báo hay đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng anh chị.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu giải quyết về tranh chấp ly hôn, nuôi con giữa chị với anh Hoàng Văn A , cả hai có địa chỉ tạm trú tại phường A, thị xã D, tỉnh B. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã D theo

quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hoàng Văn A đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng anh A vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn A là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số số 29 quyển số 01 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Q vào ngày 03 tháng 11 năm 2004 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình tố tụng nguyên đơn, bị đơn đều xác định vợ chồng không hợp nhau , hay phát sinh mâu thuẫn , vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2018. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng tại địa phương, chính quyền địa phương xác định không nhận được thông tin trình báo về mâu thuẫn vợ chồng của anh A , chị T. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh A có mặt tại Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh A không đến. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 273, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn A.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sàn (nợ chung): Đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

4.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018811 ngày 16/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- CCTHA DS thị xã Dĩ An (01);
- UBND xã L, H. B, T. Q (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Nguyệt Ánh